

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2024

V/v: “Ly hôn giữa ông Đ và bà Nh”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Thị Xuân Hiền**

2. Bà **Nguyễn Thị Huệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Giai Thoại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Lưu Quốc Phú** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Thị Kim Yến** – Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên KNA (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Do quen biết và được sự đồng ý của cha mẹ gia đình hai bên nên vào năm 2000 ông và bà Lê Thị Tuyết Nh đã cưới nhau, đến ngày

09/8/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sống cùng với cha mẹ ông tại ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ và sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Do đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Đến tháng 02/2022 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên ông và bà Nh đã ly thân nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nh.

- Về con chung: Ông và bà Nh có 02 con chung tên Phạm Văn Đăng, sinh ngày 10/6/2001; Phạm Thị Mỹ Xuân, sinh ngày 01/01/2006 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ông Phạm Văn Đ về việc kết hôn, thời gian chung sống, ly thân. Tuy nhiên, vợ chồng không có mâu thuẫn, cự cãi gì, chỉ là ông Đ thường xuyên đi làm ăn xa, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc bà. Ngoài ra, bà còn biết ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý vì còn thương chồng, thương con, không muốn con phải khổ, nhất là Mỹ Xuân.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Phạm Văn Đăng, sinh ngày 10/6/2001; Phạm Thị Mỹ Xuân, sinh ngày 01/01/2006 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ 04 công đất ruộng (tầm 03m) tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Đất do ông Phạm Văn Quyên (cha chồng) đứng tên giúp.

+ Số tiền 700.000.000 đồng có đưa cho chị chồng tên Phạm Thị Mỹ Hạnh nhận cổ đất của người khác.

Khởi tài sản này bà và ông Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Ông Phạm Văn Đ đồng ý hỗ trợ cho bà Lê Thị Tuyết Nh số tiền 100.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Tuyết Nh yêu cầu ông Phạm Văn Đ hỗ trợ cho bà số tiền 300.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa và quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị Tuyết Nh.

+ Về con chung: 02 con chung tên Phạm Văn Đăng, sinh ngày 10/6/2001; Phạm Thị Mỹ Xuân, sinh ngày 01/01/2006 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà Lê Thị Tuyết Nh là tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

+ Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Đối với việc bà Lê Thị Tuyết Nh yêu cầu ông Phạm Văn Đ hỗ trợ cho bà số tiền 300.000.000 đồng, bà Nh không có đơn phản tố và ông Đ cũng không đồng ý nên không xem xét. Còn việc ông Phạm Văn Đ đồng ý hỗ trợ cho bà Lê Thị Tuyết Nh số tiền 100.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông Đ, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn Đ khởi kiện bà Lê Thị Tuyết Nh có địa chỉ tại ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ với yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị Tuyết Nh tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2010 nên hôn nhân của ông bà có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ khai, trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông và bà Nh phát sinh mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn, nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn đem lại hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nh. Còn bà Lê Thị Tuyết Nh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ là ông Đ thường xuyên đi làm ăn xa, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc bà. Ngoài ra, bà còn biết ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài. Như vậy, đủ căn cứ để chứng minh cuộc sống hôn nhân giữa ông Đ và bà Nh có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn dẫn đến đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ.

[2.2] Về con chung: 02 con đã trên 18 tuổi và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đ khai không có, bà Nh khai có nhưng tự thỏa thuận nên cũng không xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Đối với việc bà Lê Thị Tuyết Nh yêu cầu ông Phạm Văn Đ hỗ trợ cho bà số tiền 300.000.000 đồng, bà Nh không có đơn phản tố và ông Đ cũng không đồng ý nên không xem xét. Còn việc ông Phạm Văn Đ đồng ý hỗ trợ cho bà Lê Thị Tuyết Nh số tiền 100.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông Đ, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ đối với bà Lê Thị Tuyết Nh.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị Tuyết Nh.

1.2. Về con chung: 02 con chung tên Phạm Văn Đăng, sinh ngày 10/6/2001; Phạm Thị Mỹ Xuân, sinh ngày 01/01/2006 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà Lê Thị Tuyết Nh là tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.5. Ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ giao cho bà Lê Thị Tuyết Nh số tiền hỗ trợ 100.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Đ đã nộp theo biên lai số 0007759 ngày 01 tháng 11 năm 2023 thành án phí.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 5.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, TP.Cần Thơ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang